TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 145/2018/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 22 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 160/2018/TLST - HNGĐ ngày 23/10/2018 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Đặng Văn C - sinh năm 1983**

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: **Chị Bùi Thị T - sinh năm 1978**

Trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi liên quan:

Cháu Đặng Thị Th SN 13/4/2004

Tên gọi khác: Đặng Diễm Q SN 24/02/2004

Người đại diện của cháu Th (Q): Chị Bùi Thị T.

Đều trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/11/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/11/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Thị Th SN 13/4/2004 (tên gọi khác là Đặng Diễm Q SN 24/02/2004). Anh chị thỏa thuận để chị T nuôi con chung đến khi thành niên, anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị T 700.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Th thành niên. Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh C chậm trả khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về án phí: Anh C tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STDS và 150.000đ án phí cấp dưỡng (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000120 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Anh C đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi.*
- *THA dân sự huyện Ân Thi*
- *UBND xã B*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

Phạm Bá Hân